

Số: /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại các tờ trình số ngày tháng năm 2024 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là chiến lược ngành sữa) với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển ngành sữa trên cơ sở phát huy vai trò và tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; góp phần đảm bảo an ninh thực phẩm, cải thiện thiện sức khỏe và tầm vóc của người Việt Nam; mang lại sinh kế cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng cường an sinh xã hội, gắn liền lợi ích doanh nghiệp với cộng đồng.

2. Phát triển ngành sữa trên cơ sở khai thác tối đa và có hiệu quả lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên của từng vùng, từng địa phương và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm, doanh nghiệp ngành sữa.

3. Phát triển ngành sữa mang tính chủ động, sáng tạo, có hướng đi thích hợp, rõ ràng nhằm phát huy và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tăng cường khả năng tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng ngành công nghiệp chế biến sữa khu vực và toàn cầu.

4. Phát triển ngành sữa theo hướng hiện đại, xanh và bền vững trên cơ sở đầu tư công nghệ mới, thiết bị dây chuyền sản xuất chế biến hiện đại, đa dạng hóa sản

phẩm cùng với hệ thống phân phối thông minh nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

5. Chủ động nguồn nguyên liệu cho chế biến, tập trung phát triển các vùng sản xuất sữa nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, và có lộ trình cắt giảm tỷ lệ nhập khẩu sữa nguyên liệu cho nhu cầu chế biến sữa trong nước.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao năng suất, tăng sản lượng sữa chế biến trên cơ sở phát huy các tiềm lực, lợi thế, theo hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế thông minh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức sản xuất chế biến hàng hóa lớn, đa dạng, gia tăng giá trị, an toàn thực phẩm gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giá thành cạnh tranh, xây dựng thương hiệu quốc gia mạnh đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; cải thiện đời sống vật chất tinh thần nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn đến năm 2030:

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu chế biến đạt 4.200 triệu lít
- Sản lượng sữa tươi trong nước đạt 2.300 triệu lít, sữa bột 210.000 nghìn tấn
- Tốc độ tăng trưởng ngành sữa bình quân hàng năm từ 4%-4,5%. Tiêu thụ sữa bình quân trên người đạt 40 lít/người/năm.
- Sữa nước nguyên liệu đáp ứng 56% tổng nhu cầu sữa chế biến trong nước.

Giai đoạn đến năm 2045:

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu chế biến đạt 5.500 triệu lít
- Sản lượng sữa tươi trong nước đạt 3.200 triệu lít, sữa bột 330.000 nghìn tấn
- Tốc độ tăng trưởng ngành sữa bình quân hàng năm từ 3-4%. Tiêu thụ sữa bình quân trên người đạt 58 lít/người/năm.
- Sữa nước nguyên liệu đáp ứng 65% tổng nhu cầu sữa chế biến trong nước.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

- Phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa hiệu quả trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài nguyên đất. Thiết lập sự gắn kết hữu cơ giữa sản xuất sữa nguyên liệu với chế biến sản phẩm sữa mới.

- Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, phát triển nguồn lực trong nước, phát huy lợi thế vùng địa lý, phát triển đồng bộ gắn chế biến với phân phối tiêu thụ sản phẩm.

- Nghiên cứu đầu tư thiết bị, kỹ thuật công nghệ mới tối ưu hóa quy trình chế biến, giảm thiểu tác động đến môi trường, phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước, ưu tiên phát triển sản phẩm sữa hữu cơ thân thiện môi trường.

- Bên cạnh các sản phẩm chính (như: sữa tươi, sữa thanh trùng, sữa đặc, sữa chua, sữa bột...) ngành chế biến sữa Việt Nam cần quan tâm đầu tư phát triển các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao (như: bơ, phomat...).

- Thúc đẩy việc phát triển, tổ chức doanh nghiệp sản xuất chế biến sữa. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu ngành thực hiện tổ chức lại để hình thành một số tập đoàn doanh nghiệp sữa lớn có thứ hạng cao thế giới.

- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nhân lực có trình độ cao và có kỹ năng phù hợp với nhu cầu của ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồng thời tạo ra cơ hội việc cải thiện thu nhập cho người lao động.

- Mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế phát triển nguồn cung sữa nguyên liệu chế biến để chia sẻ khó khăn, kinh nghiệm, công nghệ và dữ liệu tài nguyên, đồng thời tạo ra cơ hội hợp tác vì sự phát triển bền vững cho ngành sữa Việt Nam.

2. Định hướng cụ thể

2.1. Định hướng phát triển sản xuất

- Tập trung đầu tư công nghệ tiên tiến ở qui mô công nghiệp, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong tất cả các khâu của quá trình phát triển nguồn sữa nguyên liệu đầu vào, công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm; chế biến tổng hợp, nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Đầu tư, khai thác triệt để lợi thế vùng sản xuất sữa nguyên liệu. Nghiên cứu phát triển nguồn cung thức ăn chăn nuôi, thay đổi phương pháp chăn nuôi truyền thống, tăng sản lượng sữa chế biến trong nước.

- Sử dụng công nghệ số hóa trong quá trình sản xuất, chế biến để tăng cường hiệu suất và chất lượng sản phẩm, cũng như tối ưu hóa quy trình chế biến, quản lý và phân phối sản phẩm. Khuyến khích tái chế và sử dụng lại các sản phẩm bao bì đóng gói sữa để giảm bớt tác động đến môi trường và tăng cường tài nguyên tái sử dụng.

- Định hướng phát triển các sản phẩm sữa

+ Khuyến khích đầu tư cơ sở chế biến ra các sản phẩm sữa có giá trị gia tăng cao như: sữa bột, sữa chua, pho mát, bơ.

+ Nghiên cứu sản xuất chế phẩm, hương liệu; tập trung khai thác từ nguồn tự nhiên trong nước để bổ trợ vào sản phẩm sữa, tạo ra sản phẩm mới có giá trị dinh dưỡng cao, đa dạng hóa sản phẩm; tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm sữa trong nước.

- Định hướng phát triển các doanh nghiệp ngành sữa

+ Phát triển các dự án sản xuất và chế biến sữa lớn trên cơ sở phát huy những doanh nghiệp có kinh nghiệm và tiềm lực kinh tế, mở rộng quy mô và năng lực sản xuất; tổ chức mô hình sản xuất rộng khắp cả nước; ưu tiên phát triển nội lực trong nước đi kèm với xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ngành.

+ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn cao, có khả năng làm việc với quy trình công nghệ mới, đáp ứng được yêu cầu của ngành công nghiệp chế biến sữa tiên tiến.

- Định hướng thu hút đầu tư cho phát triển ngành sữa

+ Tạo môi trường đầu tư ổn định, minh bạch và công bằng, cải thiện môi trường đầu tư, bao gồm hệ thống pháp luật, tăng cường tính dự báo và ổn định của các chính sách đầu tư, tăng cường quản lý môi trường và đảm bảo an toàn lao động để làm tăng giá trị cạnh tranh và thu hút đầu tư bền vững.

+ Đa dạng hóa các hình thức đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau như: FDI và hình thức khác nhau như FDI (Đầu tư trực tiếp nước ngoài), PPP (Hợp tác công tư), và đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước.

+ Nhà nước nghiên cứu đưa ra chính sách ưu đãi bao gồm chính sách hấp dẫn về thuế, các chương trình gói hỗ trợ khác để kích thích đầu tư vào ngành công nghiệp sản xuất chế biến sữa.

2.2. Định hướng phát triển thị trường tiêu thụ sữa

- Phát triển thị trường ngành sữa, đảm bảo cung cấp đầy đủ sữa cho thị trường nội địa, đặc biệt là sữa chế biến trong nước, tìm kiếm các thị trường xuất khẩu lớn truyền thống.

- Tập trung tháo gỡ rào cản kỹ thuật để mở rộng thị trường, thúc đẩy các sản phẩm có tiềm năng còn dư địa xuất khẩu. Xây dựng, quảng bá thương hiệu và chỉ dẫn địa lý các sản phẩm sữa chế biến Việt Nam ra các nước; hỗ trợ doanh nghiệp

về các vấn đề pháp lý giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới trong tiếp thị và phân phối sản phẩm, sử dụng các chiến lược tiếp thị số, mạng xã hội và các kênh phân phối hiệu quả để tiếp cận và phục vụ khách hàng một cách linh hoạt và nhanh chóng.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm sữa và đa dạng hóa danh mục sản phẩm mẫu mã bao bì để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Tuân thủ các quy định về thương mại quốc tế và quản lý rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn chất lượng để tránh rủi ro pháp lý tạo cơ sở tăng cường uy tín thương mại.

2.3. Định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm và doanh nghiệp ngành sữa

- Nâng cao chất lượng sản phẩm từ việc sử dụng nguyên liệu đến quá trình chế biến cuối cùng, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước dựa trên giá trị sản phẩm và khả năng cạnh tranh.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại trong quá trình sản xuất để tăng cường hiệu suất, giảm chi phí và cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng kiểm soát và quản lý quy trình công nghệ chế biến sản phẩm.

- Phát triển hợp tác với các đối tác trong chuỗi cung ứng, từ nguồn cung cấp nguyên liệu chế biến đến khách hàng cuối cùng, để tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực và tối ưu hóa nguồn lực, đẩy mạnh chiến lược tiếp cận thị trường và quảng bá thương hiệu, tăng cường nhận thức về uy tín của sản phẩm và thương hiệu doanh nghiệp ngành sữa Việt Nam trên thị trường nội địa và quốc tế.

2.4. Định hướng phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp chế biến sữa

- Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài ngành thuộc mọi thành phần kinh tế. Tạo ra một bước chuyển về chất trong hệ thống các chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn học với hành, tăng phần đào tạo kỹ năng.

- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có, tăng cường đầu tư mới trang thiết bị nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo, các Viện, Trường, tham gia vào công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ ngành.

- Kết hợp đào tạo dài hạn với đào tạo ngắn hạn, đào tạo chính quy với đào tạo thường xuyên, đào tạo trong nước với việc cử cán bộ kỹ thuật, công chức, viên chức, kỹ sư đi đào tạo ở nước ngoài để học hỏi những tiến bộ khoa học công nghệ mới về quản lý và kỹ thuật chế biến.

2.5. Định hướng thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ cho phát triển ngành công nghệ chế biến sữa

- Tăng cường môi trường đầu tư ổn định và dễ dàng tiếp cận thông qua các chính sách hỗ trợ, thuế và giảm rủi ro cho các nhà đầu tư trong ngành chế biến sữa.

- Tăng cường nghiên cứu, chuyên gia công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên.

2.6. Định hướng phát triển hạ tầng cho phát triển ngành sữa

- Về cơ sở hạ tầng: ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống đường bộ, cảng biển tại các tỉnh có vùng sản xuất nguồn sữa nguyên liệu chế biến.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển riêng có tính đột phá, sáng tạo, độc đáo; tạo lập môi trường đầu tư thông thoáng cho công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm, công nghiệp hỗ trợ phát triển ngành.

- Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn chất lượng an toàn sản xuất và tiêu chuẩn quốc gia về các sản phẩm chế biến từ sữa.

- Nghiên cứu, xây dựng hàng rào kỹ thuật cũng như áp dụng các biện pháp quản lý thị trường thương mại để bảo vệ sản phẩm sữa chế biến trong nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế càng ngày càng sâu rộng.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa

- rà soát, xây dựng thể chế đáp ứng yêu cầu và phù hợp với các định chế quốc tế. Tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như cam kết ra nhập WTO và cam kết trong các hiệp định thương mại tự do nhằm tận dụng tối đa lợi thế về thuế đối với các sản phẩm sữa xuất khẩu.

- Khuyến khích các địa phương quy hoạch và xây dựng các khu, vùng công nghệ cao nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư công nghiệp chế biến sử dụng công nghệ cao phù hợp thực tế phát triển của từng doanh nghiệp.

- Triển khai có kết quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm để tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp - nông dân, nông dân - nông dân, doanh nghiệp - doanh nghiệp.

- Nghiên cứu xây dựng các Quỹ Phát triển ngành sữa để chủ động hỗ trợ, chia sẻ các rủi ro trong sản xuất kinh doanh, thích ứng hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoàn thiện các văn bản pháp luật để quản lý giá sữa, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà sản xuất, phân phối và người tiêu dùng. Hoàn thiện cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ từ phía cơ quan quản lý nhà nước về kiểm soát vấn đề ghi nhãn, tên sản phẩm, nguồn gốc nguyên liệu đúng với chất lượng sản phẩm, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

2. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Xây dựng hình ảnh sản phẩm sữa nội địa thông qua việc đảm bảo chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, giá cả cạnh tranh và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

- Tổ chức xây dựng hệ thống logistics kết nối chặt chẽ giữa người sản xuất, doanh nghiệp thu mua, chế biến với nhà phân phối; phát triển thương hiệu cho các sản phẩm sữa đặc sản vùng miền, địa phương.

- Xây dựng mạng lưới thị trường bán sản phẩm sữa chế biến (siêu thị, hệ thống bán buôn, bán lẻ...) đầu tư, trang bị hệ thống bảo quản để đáp ứng nhu cầu phân phối sản phẩm cho các hộ tiêu dùng lớn; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dịch vụ, khu du lịch. Qua đó hình thành thị trường tiêu thụ rộng khắp cả nước.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường; cập nhật thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các rào cản kỹ thuật, thuế quan,... để nhà quản lý, doanh nghiệp định hướng cho sản xuất, chế biến.

- Triển khai công tác cảnh báo sớm về các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời tận dụng tốt các quy định quốc tế về chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký bản quyền, thương hiệu để bảo vệ doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

3. Tăng cường thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ cho ngành công nghiệp chế biến sữa

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn của các thành phần kinh tế khác trong nước bằng việc đa dạng hóa hình thức đầu tư, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài; cải cách thủ tục hành chính để nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, đa dạng hoá các hình thức đầu tư, cải cách các thủ tục hành chính để phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư. Huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư một số dự án trọng điểm và có hiệu quả cao; xây dựng danh mục các dự án mới để kêu gọi đầu tư.

- Nghiên cứu, hỗ trợ chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất các công nghệ tiên tiến, thiết bị, máy móc, vật liệu, chế phẩm cho ngành chế biến, bảo quản sữa. Có cơ chế bắt buộc cơ sở nghiên cứu hợp tác với các doanh nghiệp thực hiện các đề tài có tính ứng dụng cao, gắn kết quả nghiên cứu với sản phẩm cuối cùng.

- Xây dựng các mô hình, dự án chăn nuôi, chế biến ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp chế biến sản xuất sản phẩm gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân mua công nghệ sản xuất các sản phẩm có GTGT cao, áp dụng công nghệ sản xuất sạch và sạch hơn, bảo vệ môi trường.

4. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp chế biến sữa

- Tổ chức đào tạo, xây dựng đội ngũ chuyên gia về quản lý nhà nước ngành chế biến sữa. Bồi dưỡng kỹ năng quản trị, nghiệp vụ kinh doanh cho các doanh nghiệp chế biến trong ngành sữa.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật trình độ cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất, yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến.

- Thực hiện hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp, gắn đào tạo với sử dụng lao động tại chỗ hoặc đặt hàng về đào tạo.

5. Phát triển nguồn cung ứng nguyên liệu cho sản xuất và chế biến sữa

- Các doanh nghiệp sữa cần phối hợp chặt chẽ với các địa phương các hộ cung cấp sữa để xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất sữa cũng như cơ sở hạ tầng thu mua sữa nguyên liệu đảm bảo chất lượng ổn định, số lượng đủ cho công nghiệp chế biến.

- Tăng cường liên kết kinh tế giữa các khâu, các bộ phận trong hệ thống sản xuất-chế biến-tiêu thụ, góp phần phát triển công nghiệp chế biến, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm sữa chế biến của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Xây dựng các trung tâm sản xuất sữa nguyên liệu để hình thành vùng nguyên liệu lớn có thể áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nâng cao năng suất, sản lượng dễ dàng đầu tư khoa học công nghệ để phát triển ngành.

6. Phát triển bền vững và xanh hóa ngành công nghiệp chế biến sữa

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn và bảo vệ môi trường của các đơn vị, doanh nghiệp; đồng thời nâng cao chất lượng kiểm định các máy, thiết bị, vật tư sản xuất để đảm bảo các yêu cầu nghiêm ngặt trong sản xuất và chế biến.

- Trang bị đủ hệ thống thiết bị quan trắc kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, nhà máy chế biến sữa theo TCVN và tiêu chuẩn ISO:14000.

- Áp dụng trong công nghệ chế biến thực phẩm tiên tiến; chú trọng công nghệ "Sản xuất sạch hơn" đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh những chất thải có tác động tiêu cực cho môi trường; kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu kinh tế tuần hoàn trong ngành chế biến sữa, nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

7. Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm

- Nhà nước phối hợp với các Hiệp hội, doanh nghiệp tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm sữa, sản phẩm giá trị gia tăng mang nhãn mác, thương hiệu của Việt Nam đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại thông qua hoạt động hội chợ, triển lãm với sự tham gia của cộng đồng, nhất là các doanh nghiệp sản xuất chế biến sữa hàng đầu.

- Tổ chức nghiên cứu, phân tích và dự báo thị trường về nhu cầu, xu hướng tiêu thụ sản phẩm, biến động thị trường để xây dựng chiến lược phát triển thị trường cho các sản phẩm có giá trị kinh tế cao đặc biệt là các nhóm sản phẩm mới, có tiềm năng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, địa phương có liên quan chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai các đề án, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, chuyển giao và làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực phát triển nguồn nguyên liệu sữa, công nghệ sản xuất, chế biến sản phẩm mới; hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ xanh thân thiện với môi trường trong khâu chế biến.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan nghiên cứu hoàn thiện và đề xuất cơ chế, chính sách, công cụ mới phù hợp thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa theo thẩm quyền quy định của Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tăng cường công tác quản lý về chăn nuôi gia súc đặc biệt là công tác quản lý về phòng dịch cho đàn bò sữa trong cả nước, xây dựng chủ trương về phát triển đàn bò sữa và công tác quy hoạch vùng chăn nuôi bò sữa phát triển nguồn sữa nguyên liệu. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường khảo sát, phát triển quỹ đất mới cho các doanh nghiệp đầu tư vào dự án phát triển ngành sữa, tạo nguồn sữa nguyên liệu ổn định cho sản xuất và chế biến trong nước.

Chủ trì và phối hợp với Bộ Công Thương hoàn thiện cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất, chế biến sữa trong nước phát triển theo các mục tiêu, định hướng và giải pháp của chiến lược này.

3. Bộ Tài chính

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành khác có liên quan nghiên cứu, hoàn thiện và đề xuất các cơ chế, chính sách tài chính, chính sách thuế xuất nhập khẩu nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa trong nước.

Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong quá trình xây dựng, hoàn thiện đề án cơ cấu lại các doanh nghiệp sản xuất sữa nguyên liệu và chế biến các sản phẩm sữa nhằm mục tiêu gia tăng giá trị cho sữa chế biến và xuất khẩu.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc nghiên cứu, chuyên giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để hiện đại hoá ngành sữa trong nước.

Chủ trì và phối hợp Bộ Công Thương triển khai các đề án, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, đổi mới sáng tạo, chuyên giao và làm chủ công nghệ nhằm phục vụ mục tiêu phát triển ngành sữa lớn mạnh, bền vững.

Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quản lý tiêu chuẩn, chất lượng. Xây dựng các hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng trang thiết bị, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và có biện pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác sử dụng đất hiệu quả, bảo vệ môi trường tại các vùng sản xuất nhằm tạo nguồn nguyên liệu sữa ổn định đảm bảo chất lượng phục vụ chế biến. Ưu tiên những dự án khai thác đảm bảo môi trường xanh, sạch và phát triển bền vững.

Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn về môi trường đối với ngành sữa, nâng cao năng lực và hiệu quả các hoạt động quản lý chất phế thải trong sản xuất nguyên liệu cũng như công nghiệp chế biến sữa.

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế biến nhằm mục tiêu giảm phát thải ra nguồn nước các chất thải trong công nghiệp chế biến sữa (nước thải, khí thải, chất thải rắn sản xuất).

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, các trường Đại học, Cao đẳng, Trường Nghề, các Viện nghiên cứu trong chỉ đạo xây dựng chương trình nghiên cứu, đào tạo và tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm, đội ngũ công nhân lành nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực, vật lực chất lượng cao cho sự phát triển ngành sữa.

7. Bộ Y tế

Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương tăng cường công tác quản lý, công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng sản phẩm sữa đăng ký trên thị trường để đảm bảo ổn định sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm.

Chủ trì nghiên cứu xây dựng và sửa đổi các chính sách về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn chất lượng sữa dạng lỏng, sữa bột, sữa chua, phân loại các loại sản phẩm sữa căn cứ vào bản chất của nguyên liệu sữa đầu vào, không căn cứ vào phương pháp chế biến.

8. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc chỉ đạo, định hướng các doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước trong ngành sữa phát huy tiềm lực, thế mạnh trong sử dụng vốn và bảo toàn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong ngành sữa.

Chỉ đạo các doanh nghiệp được giao quản lý thực hiện điều hành sản xuất, kinh doanh sản phẩm sữa chế biến theo cơ chế thị trường, bình đẳng hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo việc thực hiện theo đúng chiến lược, phát triển đầu tư các cơ sở, các doanh nghiệp sản xuất chế biến sữa trên địa bàn phù hợp với chiến lược này.

Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai các dự án về phát triển sản xuất sữa nguyên liệu, chế biến các sản phẩm sữa trên địa bàn; Tham gia xây dựng, góp ý, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp sữa ở Việt Nam.

Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành sữa; xử lý và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn cho các nhà đầu tư, đặc biệt các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu phụ trợ trong quá trình sản xuất chế biến sữa trên địa bàn thuộc chức năng quản lý.

10. Các Tập đoàn, doanh nghiệp, Hiệp hội trong lĩnh vực ngành sữa

a). Hiệp hội sữa Việt Nam

Thực hiện vai trò cầu nối liên kết, đại diện cho các doanh nghiệp chăn nuôi, doanh nghiệp sản xuất chế biến sữa và doanh nghiệp kinh doanh trong ngành sữa với các cơ quan quản lý nhà nước.

Chủ động đề xuất và tham gia với các bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển ngành; phối hợp giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh, đặc biệt, trong quá trình hội nhập quốc tế.

b). Các doanh nghiệp trong ngành sữa

Trách nhiệm trong việc thực hiện Chiến lược phát triển ngành sữa, phát triển bền vững ngành; Đầu tư phát triển các dự án hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến vận hành đúng tiến độ theo quy hoạch. Thực hiện tốt vai trò sản xuất và kinh doanh làm đầu mối trong việc cung cấp các sản phẩm chế biến cho nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước.

Chủ động xây dựng, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển phù hợp với sự phát triển chung của toàn ngành; xây dựng phương án tăng cường huy động nguồn vốn đầu tư các dự án phát triển ngành sữa ở trong và ngoài nước.

Theo thẩm quyền, chức năng được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật tổ chức liên quan, triển khai cụ thể các nhiệm vụ và giải pháp trong chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu Văn thư, QHDP (3).

Phạm Minh Chính